TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG HƯNG** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Án số: 36/2019/HNGĐ - ST
Ngày 26/9/2019
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG, TỈNH THÁI BÌNH

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đình Cự
2. Ông Hà Huy Khoa

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Lê Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Đại diện VKSND huyện Đông Hưng tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Kim Cúc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 83/2019/TLST-HNGĐ ngày 25/7/2019 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2019/QĐXX- ST ngày 03 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Lê Văn Đ- sinh năm 1958
- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị H- sinh năm 1965

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh T

(Tại phiên tòa có mặt ông Đ, bà H)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải nguyên đơn ông Lê Văn Đ trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị H tự nguyện kết hôn năm 1984, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh T. Giấy đăng ký kết hôn của vợ chồng ông bị mất và hồ sơ đăng ký kết hôn của Ủy ban nhân dân xã Đ không còn lưu trữ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được hai năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, vợ chồng hay cãi chửi nhau, xúc phạm nhau. Vợ

chồng ly thân từ tháng 7/2018. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn ông xin được ly hôn bà H.

Về con chung: Ông và bà H có 02 con chung là Lê Văn H1, sinh năm 1987 và Lê Văn H2, sinh năm 1989. Hai con đã trên 18 tuổi trưởng thành, tự lập về kinh tế không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Vợ chồng ông tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Nguyễn Thị H là bị đơn trình bày: Bà và ông Lê Văn Đ tự nguyện kết hôn năm 1984, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh T. Giấy đăng ký kết hôn của vợ chồng bà bị mất và hồ sơ đăng ký kết hôn của Ủy ban nhân dân xã Đ không còn lưu trữ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau thỉnh thoảng có cãi nhau, đánh nhau do bất đồng quan điểm sống. Từ năm 2018 bà đi bế cháu thì mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng do ông Đ một mực đòi ly hôn. Vợ chồng ly thân từ tháng 3/2019 đến nay. Nay ông Đ xin ly hôn bà đồng ý ly hôn.

Về con chung: Bà và ông Đ có 02 con chung là Lê Văn H1, sinh năm 1987 và Lê Văn H2, sinh năm 1989. Hai con đã trên 18 tuổi trưởng thành, tự lập về kinh tế, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Vợ chồng bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn ông Lê Văn Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với bà Nguyễn Thị H . Vợ chồng có 02 con chung là Lê Văn H1 và Lê Văn H2. Hai con đã trên 18 tuổi trưởng thành, tự lập về kinh tế, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản, vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Bị đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày: Ông Đ xin ly hôn bà đồng ý ly hôn. Vợ chồng có 02 con chung là Lê Văn H1 và Lê Văn H2 . Hai con đã trên 18 tuổi trưởng thành, tự lập về kinh tế, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản, vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn - ông Lê Văn Đ, bị đơn - bà Nguyễn Thị H đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Đ: Xử cho ông Lê Văn Đ được ly hôn bà Nguyễn Thị H. Về con chung, các con đã trưởng thành không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung, ông Đ, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, nên Tòa án không giải quyết về tài sản

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Ông Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị H đều có hộ khẩu thường trú tại Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh T, căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình giải quyết vụ án là đúng pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị H khai ông bà tự nguyện kết hôn năm 1984, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh T. Giấy đăng ký kết hôn của vợ chồng bị mất và hồ sơ đăng ký kết hôn của Ủy ban nhân dân xã Đ không còn lưu trữ. Quá trình chung sống do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nên hay cãi chửi nhau, xúc phạm nhau, ông Đ xin ly hôn bà H đồng ý ly hôn. Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Đ thì ông Đ, bà H chung sống với nhau từ năm 1984, do lâu ngày sổ đăng ký kết hôn năm 1984 của Ủy ban nhân dân xã Đ bị thất lạc nên Ủy ban nhân dân xã Đ không xác định ông Đ và bà H có đăng ký kết hôn hay không. Quá trình chung sống ông Đ, bà H mâu thuẫn đã được cơ sở thôn T hòa giải nhưng không thành. Ông Đ xin ly hôn bà H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Tại điểm a mục 3 của Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 về thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03 tháng 01 năm 1987, ngày Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Toà án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Đ và bà H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ xử cho ông Đ được ly hôn bà H là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Ông Đ và bà H có 02 con chung là Lê Văn H1, sinh năm 1987 và Lê Văn H2, sinh năm 1989. Hai con đã trên 18 tuổi trưởng thành, tự lập về kinh tế nên không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Ông Đ, bà H thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết về tài sản chung vợ chồng giữa ông Đ và bà H.

[3]Về án phí: Ông Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Ông Đ, bà H có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 266; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a, mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ - QH 10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Lê Văn Đ được ly hôn bà Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: Ông Đ và bà H có 02 con chung là Lê Văn H1, sinh năm 1987 và Lê Văn H2, sinh năm 1989. Hai con đã trên 18 tuổi trưởng thành, tự lập về kinh tế nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung: Tòa án không giải quyết về tài sản.

4. Về án phí: Ông Lê Văn Đ phải chịu 300.000đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000đồng ông Đ đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0008095 ngày 25/7/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hưng thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Ông Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Thị Lan Phương

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Đương sự, UBND xã Đ;
- Lưu.